TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST Ngày: 17/12/2021 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Sơn**

2. Ông **Nguyễn Bá Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Hằng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa*:** Bà **Trịnh Ngọc Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2020/TB-TLVA này 05 tháng 10 năm 2020 về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1987; Địa chỉ: khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là: Ông Võ Văn D – Luật sư thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; Hộ khẩu thường trú: xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Kiốt 26 chợ P, phường H, thị xã M, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn bà Trần Thị H trình Bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Tsống chung với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hoà. Vợ chồng sống

hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2020, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu câu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh D (Nguyễn Văn Ánh D), sinh ngày 28/6/2020. Nếu ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Con chung hiện nay đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng tại B. Bà H làm công nhân ở khu Công nghiệp L, thu nhập mỗi tháng 6.500.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T với bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại phường Long Bình, thành phố Biên Hoà như bà H trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn là do không thống nhất được việc nhập khẩu cho con, bà H còn nghi ngờ ông T có ý định đứng tên một số tài sản, khi vợ chồng ly thân thì không cho ông T thăm con. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2020, ông T nhiều lần liên lạc nhưng bà H cố tình không gặp. Nay ông T vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn, ông muốn đoàn tụ gia đình.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Văn Ánh D, sinh ngày 28/6/2020. Trường hợp ly hôn, ông T đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác nhận không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, các đương sự phải nộp tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Kiốt 26 chợ P, phường H, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên toà nguyên đơn bà Trần Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là ông Võ Văn D vắng mặt. Tuy nhiên, bà H và ông D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H, ông D là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của bà H, ông T và giấy chứng nhận kết hôn số: 385/2019 của UBND phường Long Bình, có đủ cơ sở khẳng định: Bà H và ông T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2019 tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, xét đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà H và ông T đều thừa nhận vợ chồng sống chung nhưng có nhiều mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, mỗi người sinh sống một nơi, bà H sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, còn ông T sinh sống tại tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông T cho rằng ông vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng y ly hôn. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Xét thấy, nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân thì tình cảm giữa bà H và ông T cũng không hàn gắn được, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T.

[3.2] Về nuôi con chung:

Vợ chồng có 01 con chung tên là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 28/6/2020 (do bà H đăng ký khai sinh vào ngày 17/7/2020 tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hoà – Giấy khai sinh số: 661). Trước đó ông T đã đăng ký khai sinh cho cháu lấy tên là Nguyễn Văn Ánh D, sinh ngày 28/6/2020 tại UBND xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương. Do vậy, ngày 15/11/2021 UBND thành phố Biên Hoà ban hành Quyết định số: 12533/QĐ-UBND về việc thu hồi, huỷ bỏ bản chính và toàn bộ bản sao giấy khai sinh số: 661, mang tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 28/6/2020 do UBND phường Long Bình cấp ngày 17/7/2020. Như vậy, con chung hiện nay có tên là Nguyễn Văn Ánh D, sinh ngày 28/6/2020.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Xét thấy, con chung hiện nay do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên toà ông T đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ. Do vậy, cần giao con chung cho bà H trực

tiếp nuôi dưỡng, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu Dương trưởng thành.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H, ông T khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà H, ông T xác nhận vợ chồng không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải nộp tiền án phí hôn nhân và đình gia sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được tính theo mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn Ánh D, sinh ngày 28/6/2020 .

+ Giao cháu Nguyễn Văn Ánh D, sinh ngày 28/6/2020 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

+ Sau khi ly hôn, bà H và ông T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Bà H, ông T xác nhận không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

+ Nguyên đơn bà Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005900 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/12/2021). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bán án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TX. Phú Mỹ;
- UBND P. Long Bình, Biên Hoà, Đồng Nai;
(GCNKH: Số 385/2019, đăng ký: 18/11/2019)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Văn Cường